

ỦY BAN QUẢN LÝ VỐN  
NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP  
**TỔNG CÔNG TY  
CẢNG HÀNG KHÔNG VIỆT NAM-CTCP**

Số: 151 /BC-NĐDV

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 06 năm 2019



**BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH,  
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH  
QUÝ I NĂM 2019**

Kính gửi: - Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp  
- Bộ Tài Chính

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/ NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp. Thực hiện việc báo cáo định kỳ một số chỉ tiêu tài chính, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, Nhóm Người đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP (sau đây gọi tắt là ACV) xin báo cáo các nội dung sau:

**I. MỘT SỐ THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP**

1. Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP.
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Giấy đăng ký kinh doanh số 0311638525 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 22 tháng 3 năm 2012, thay đổi lần thứ 8 ngày 15 tháng 8 năm 2018.
4. Ngành nghề kinh doanh chính được phê duyệt:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư, trực tiếp sản xuất, kinh doanh tại các cảng hàng không sân bay; Đầu tư, khai thác kết cấu hạ tầng, trang bị, thiết bị cảng hàng không, sân bay; Cung cấp dịch vụ bảo đảm an ninh hàng không, an toàn hàng không; Cung ứng các dịch vụ bảo dưỡng tàu bay, phụ tùng, thiết bị hàng không và các trang thiết bị khác; cung ứng các dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa;

Xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị hàng không; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các công ty vận tải, du lịch, các nhà sản xuất, cung ứng tàu bay, vật tư, phụ tùng, thiết bị tàu bay và trang thiết bị chuyên ngành hàng không; Cung ứng dịch vụ thương nghiệp, bán hàng miễn thuế, các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không & sân bay; Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng), và xăng dầu tại các cảng hàng không, sân bay; các dịch vụ hàng không, dịch vụ công cộng khác tại các cảng hàng không sân bay;

- Dịch vụ kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa, kho hàng hóa; giao nhận hàng hóa; nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ;

- Xây dựng, tư vấn xây dựng, sửa chữa, bảo trì, lắp đặt các công trình xây dựng, các trang thiết bị, điện, điện tử, cơ khí chuyên ngành, công trình dân dụng.

- Và các ngành, nghề phù hợp với quy định của pháp luật

5. Số điện thoại: (84.28) 3848 5383

Fax: (84.28) 3844 5127

6. Vốn điều lệ: 21.771.732.360.000 đồng

Trong đó: Vốn góp của Nhà nước: 20.769.430.110.000 đồng

7. Vốn chủ sở hữu hiện có đến cuối quý I/2019: 32.179.587.430.726 đồng.

## II. MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1. Chỉ tiêu Bảng cân đối kế toán

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

Nội dung	Mã số	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
<b>I. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100-BCĐKT</b>	<b>33.354.085</b>	<b>31.150.323</b>
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	1.034.904	627.594
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	25.090.000	23.640.000
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	130-BCĐKT	6.548.906	6.122.193
<i>Trong đó: Nợ phải thu khó đòi</i>		<i>(29.911)</i>	<i>(29.911)</i>
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	447.551	464.711
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	232.724	295.825
<b>II. Tài sản dài hạn</b>	<b>200-BCĐKT</b>	<b>21.755.659</b>	<b>21.853.024</b>

Nội dung	Mã số	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
1. Các khoản phải thu dài hạn	210- BCĐKT	312.501	321.163
2. Tài sản cố định	220- BCĐKT	17.891.351	18.334.077
- Tài sản cố định hữu hình	221- BCĐKT	17.888.475	18.330.908
- Tài sản cố định thuê tài chính	224- BCĐKT	-	-
- Tài sản cố định vô hình	227- BCĐKT	2.876	3.169
3. Bất động sản đầu tư	230- BCĐKT		
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242- BCĐKT	612.097	591.404
5. Đầu tư tài chính dài hạn	250- BCĐKT	2.483.244	2.433.244
<i>Trong đó:</i>			
- Đầu tư vào công ty con	251- BCĐKT	60.000	60.000
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254- BCĐKT	(1.300)	(1.300)
6. Tài sản dài hạn khác	260- BCĐKT	456.466	173.136
<b>III. Nợ phải trả</b>	<b>300- BCĐKT</b>	<b>22.930.157</b>	<b>22.744.641</b>
1. Nợ ngắn hạn	310- BCĐKT	7.919.707	7.610.927
<i>Trong đó: Nợ quá hạn</i>		-	-
2. Nợ dài hạn	330- BCĐKT	15.010.450	15.133.714
<b>IV. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>400- BCĐKT</b>	<b>32.179.587</b>	<b>30.258.706</b>
1. Vốn của chủ sở hữu	410- BCĐKT	32.179.587	30.258.706
<i>Trong đó: Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	411- BCĐKT	21.771.732	21.771.732
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430- BCĐKT	-	-

## 2. Chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Mã số	Năm nay		Năm trước	
		Thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Thực hiện kỳ báo cáo	Lũy kế đến kỳ báo cáo
<b>1. Tổng doanh thu</b>		<b>4.884.244</b>	<b>4.884.244</b>	<b>4.270.146</b>	<b>4.270.146</b>
- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10-BCKQKD	4.439.303	4.439.303	3.932.362	3.932.362
- Doanh thu hoạt động tài chính	21-BCKQKD	442.597	442.597	337.683	337.683
- Thu nhập khác	31-BCKQKD	2.344	2.344	101	101
<b>2. Tổng chi phí</b>		<b>2.498.710</b>	<b>2.498.710</b>	<b>3.158.956</b>	<b>3.158.956</b>
<b>3. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50-BCKQKD</b>	<b>2.385.534</b>	<b>2.385.534</b>	<b>1.111.190</b>	<b>1.111.190</b>
<b>4. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60-BCKQKD</b>	<b>1.911.428</b>	<b>1.911.428</b>	<b>895.952</b>	<b>895.952</b>

## 3. Các chỉ tiêu khác

Nội dung	Thực hiện kỳ báo cáo	Thực hiện cùng kỳ năm trước
1. Tổng số phát sinh phải nộp ngân sách (triệu đồng)	626.816	366.639
<i>Trong đó:</i>		
- Thuế TNDN	501.106	301.370
- Thuế GTGT	101.397	51.901
- Thuế đất, tiền thuê đất	15.777	10.584
- Các khoản phải nộp khác	8.536	2.783
2. Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu (%)	7,41%	3,67%
3. Tổng nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (%)	71,26%	75,17%
4. Tổng quỹ lương (bao gồm khu bay) (triệu đồng)	728.002	690.098
5. Số lao động bình quân (người) (bao gồm khu bay)	9.751	9.125
6. Tiền lương bình quân người/quý (triệu đồng/người/quý)	75	76

### III. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ CÁC NỘI DUNG SAU

#### 1. Tình hình và kết quả kinh doanh

##### 1.1. Sản lượng

SLVC thông qua toàn mạng Cảng (bao gồm cả sản lượng hành khách thông qua CHKQT Đà Nẵng và Cam Ranh):

Nội dung	ĐVT	Năm 2019			
		KH 2019	Quý 1/2019	% so với KH	% So với Q1/2018
<b>HÀNH KHÁCH</b>	<b>Khách</b>	<b>112.585.952</b>	<b>27.752.967</b>	<b>24,6%</b>	<b>109,7%</b>
<i>Quốc tế</i>	"	42.194.453	10.538.153	25,0%	112,9%
<i>Trong nước</i>	"	70.391.499	17.214.814	24,5%	106,8%
<b>H.HÓA+B.KIỆN</b>	<b>Tấn</b>	<b>1.610.395</b>	<b>360.703</b>	<b>22,4%</b>	<b>102,6%</b>
<i>Quốc tế</i>	"	1.012.515	235.166	23,2%	104,9%
<i>Trong nước</i>	"	597.879	125.537	21%	98,5%
<b>HẠ CÁT CÁNH</b>	<b>L/C</b>	<b>693.734</b>	<b>179.445</b>	<b>25,9%</b>	<b>110,0%</b>
<i>Quốc tế</i>	"	251.654	65.364	26,0%	112,7%
<i>Trong nước</i>	"	442.080	114.081	25,8%	108,5%

Tính đến hết Quý I/2019, sản lượng vận chuyển thông qua toàn mạng cảng đang tiếp tục tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể:

- **Hành khách:** Đạt 27,7 triệu khách, đạt 24,6% kế hoạch năm, tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2018 (Trong đó: Quốc tế tăng 12,9%; Trong nước tăng 6,8%);
- **Hàng hóa bưu kiện:** Đạt 360 nghìn tấn, đạt 22,4% kế hoạch năm, tăng 2,6% so với cùng kỳ năm 2018 ( Trong đó: Quốc tế tăng 4,9%; Trong nước giảm 1,5%)
- **Hạ cát cánh:** Đạt 179.445 lượt/chuyến, đạt 25,9% kế hoạch năm, tăng 10% so với cùng kỳ năm 2018 ( Trong đó: Quốc tế tăng 2,7%; Trong nước tăng 8,5%)

Các cảng hàng không đang có SLVC tăng so với cùng kỳ năm trước : Tân Sơn Nhất (+4,6%), Nội Bài (+9,3%), Cát Bi (+12,3%), Phù Cát (+26,2%), Thọ Xuân (+17,5%), Cần Thơ (+28,4%), Phú Quốc (11,5%), Đà Nẵng (QN tăng 9%)... Bên cạnh đó, một số cảng đang giảm so với cùng kỳ: Buôn Ma Thuột (-3,2%), Rạch Giá (-7,1%), Cà Mau (-6,2%), PleiKu (-10,7%), Đồng Hới (-5,4%).

##### 1.2. Kết quả sản xuất kinh doanh

Tổng doanh thu thực hiện Quý I/2019 đạt 4.884 tỷ đồng tăng 14,38% so với cùng kỳ năm trước, đạt 25,54 % kế hoạch, trong đó:

- Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 4.439 tỷ đồng, tăng 12,89% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

+ Doanh thu bán hàng đạt 405 tỷ đồng, tăng 14,10% so với năm 2018.

+ Doanh thu cung cấp dịch vụ tăng 456 tỷ đồng (12,77%) so với thực hiện cùng kỳ năm trước, chủ yếu là do tăng trưởng sản lượng hành khách (9%) và giá một số dịch vụ điều chỉnh tăng theo quyết định 2345/QĐ-BGTVT.

- Doanh thu hoạt động tài chính đạt 442 tỷ đồng, tăng 31,07% so với thực hiện năm 2018; trong đó lãi tiền gửi là 369 tỷ đồng (chiếm tỷ trọng 83%) tăng 24% so với thực hiện cùng kỳ năm trước, do có sự thay đổi về lãi suất huy động (từ 6,7%/năm lên 7%/năm).

Tổng chi phí thực hiện đạt 2.498 tỷ đồng, giảm 660 tỷ đồng (20,9%) so với cùng kỳ năm 2018; chủ yếu là do:

- Giá vốn hàng bán tăng 219 tỷ đồng (tăng 11%) so với cùng kỳ năm 2018, tương ứng với tỷ lệ tăng doanh thu bán hàng.

- Chi phí tài chính giảm 939 tỷ đồng, do không phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại gốc tiền tệ cuối kỳ (quý I/2018 lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại là 930 tỷ đồng).

Lợi nhuận trước thuế quý I/2019 đạt 2.385 tỷ đồng, đạt 29,13% kế hoạch năm, tăng đột biến so với thực hiện cùng kỳ năm 2018. Nếu loại trừ yếu tố lỗ chênh lệch tỷ giá (930 tỷ đồng), lợi nhuận quý I/2019 tăng 16,87% so với thực hiện cùng kỳ năm 2018.

### **1.3. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu trong hoạt động sản xuất kinh doanh**

Việc tăng trưởng của thị trường chủ yếu đến từ sự tác động tích cực bởi chính sách tự do hóa vận tải hàng không; cơ sở hạ tầng cảng hàng không được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng được nhu cầu phát triển của các hãng hàng không trong nước với việc mở rộng cả về đội tàu bay và tuyến đường bay nội địa; nhu cầu đi lại của người dân (đặc biệt là tầng lớp thu nhập trung bình) gia tăng so với với các phương tiện giao thông khác. Cụ thể:

- Hạ tầng cảng hàng không đã được đầu tư phát triển đồng bộ góp phần thúc đẩy phát triển ngành du lịch, giao thương, thu hút nhiều nhà đầu tư khai thác du lịch, giúp tạo việc làm, tăng trưởng kinh tế, cải thiện mức sống và xóa đói giảm nghèo cho người dân.
- Chính phủ, Bộ Giao thông vận tải, Cục Hàng không Việt Nam cũng đã hỗ trợ mạnh mẽ bằng những chính sách cải cách, mở ra cơ chế hoạt động cho doanh nghiệp tư nhân, thực hiện cam kết “mở cửa bầu trời”, ưu tiên phát triển mạng đường bay quốc tế của Nhà nước;

- ACV có chiến lược đầu tư phát triển, mở rộng hạ tầng cảng hàng không để phát triển thị trường, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tuy nhiên vẫn còn tồn tại những khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, cụ thể:

- Nhu cầu về vận chuyển hàng không vẫn theo đà tăng trưởng nhưng đang có xu hướng chững lại, đặc biệt là thị trường trong nước; bên cạnh đó giới hạn về năng lực cơ sở hạ tầng tại một số Cảng hàng không trọng điểm như Cảng HKQT Tân Sơn Nhất...
- Theo kết quả kinh doanh, bên cạnh doanh thu tài chính, lợi nhuận của ACV chủ yếu từ hoạt động kinh doanh của Cảng HKQT Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng, Cam Ranh; 15/21 Cảng hàng không thu không đủ bù chi nhưng đã góp phần tạo ra thị trường tăng trưởng ổn định trong toàn hệ thống mạng cảng và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh chung của ACV;
- Các chi phí đầu vào của ACV đều theo giá thị trường trong khi đó mức giá dịch vụ bán ra (trên 80%) là do nhà nước ban hành; nhiều dự án khi đầu tư chủ yếu phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội vùng miền, khoản thu không bù đắp được chi phí đầu tư và chi phí vận hành khai thác. Một số hạng mục đầu tư như hệ thống đèn đêm/ thiết bị cất hạ cánh làm gia tăng hiệu quả khai thác của các hãng hàng không, phục vụ an ninh quốc phòng là chính;
- Cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, mở rộng, nâng cấp tăng công suất khai thác gấp đôi, tạo điều kiện thuận lợi để các hãng khai thác mở rộng mạng đường bay đi/đến tại sân bay địa phương, và cũng chính vì điều này đã gây sức ép ngược lại đối với hạ tầng tại các Cảng hàng không chính như Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Cam Ranh, Đà Nẵng, đòi hỏi cần phải tiếp tục đầu tư nâng cấp nhanh chóng, cũng như nhu cầu vốn rất lớn. Việc triển khai thực hiện đầu tư còn chậm do có nhiều nguyên nhân khách quan như: chưa có quy hoạch chi tiết, vướng đền bù giải phóng mặt bằng, thiếu quỹ đất...
- Mặc dù trong giai đoạn qua, tỷ giá đồng Yên Nhật có xu hướng giảm nên kết quả sản xuất kinh doanh của ACV chưa chịu ảnh hưởng lớn của chênh lệch tỷ giá. Tuy nhiên, với khoản vay ODA bằng đồng Yên Nhật với giá trị vay hơn 70 tỷ Yên, với chính sách kế toán Việt Nam về xử lý chênh lệch tỷ giá như hiện nay sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của ACV khi tỷ giá đồng Yên Nhật biến động theo chiều hướng tăng. Vì vậy, đây là một trong các yếu tố ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của ACV nhưng không có phương pháp kiểm soát, dự đoán. Với việc phải đánh giá lại giá trị toàn bộ khoản nợ vay vào cuối mỗi năm tài chính, tác động của chênh lệch tỷ giá hàng năm đến kết quả hoạt động kinh doanh của ACV rất khó kiểm soát do

biến động của tỷ giá đồng Yên. Từ đó có thể ảnh hưởng đến nguồn tích lũy cho hoạt động đầu tư của ACV.

- Và cơ chế khai thác, quản lý, đầu tư khu bay chưa được duyệt. Vì vậy từ sau khi ACV chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, việc đầu tư nâng cấp các tài sản trong khu bay (tài sản sở hữu nhà nước) chưa thể thực hiện được, dẫn đến có nhiều nguy cơ tiềm ẩn uy hiếp an ninh an toàn, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, khai thác của ACV.

## **2. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư (kế hoạch đầu tư, khối lượng thực hiện, tình hình và khả năng thanh toán vốn đầu tư...); tình hình đầu tư tài chính dài hạn**

### **2.1. Tình hình và kết quả triển khai các dự án đầu tư**

2.1.1. Đối với các dự án đầu tư do Công ty mẹ tổ chức thực hiện:

#### Các dự án Xây dựng cơ bản:

Đã hoàn thành, đưa vào khai thác 1 hạng mục/công trình như: Cải tạo, nâng cấp dây chuyền công nghệ hàng không từ nhà ga hành khách quốc nội thành nhà ga hành khách quốc tế - Cảng HKQT Vinh, Mở rộng sân đỗ máy bay khu 19,79 ha đất quân sự bàn giao tại CHKQT Tân Sơn Nhất, mở rộng sân đỗ máy bay - CHK Liên Khương.

Tiếp tục triển khai các hạng mục, công trình trọng điểm, đáp ứng tiến độ, kế hoạch đã đặt ra như Xây dựng nhà ga hành khách T2 - CHKQT Cát Bi, Phú Bài, Vinh; Các dự án nâng cấp, mở rộng sân đỗ máy bay tại CHKQT Cát Bi; Mở rộng, cải tạo sân đỗ tàu bay – Cảng HKQT Vinh (Dự kiến khởi công Quý IV/2019).

Bên cạnh đó, một vài dự án công trình đang triển khai bị chậm so với tiến độ dự kiến do có vướng mắc về thủ tục, cơ chế, cụ thể:

+ Dự án Nhà ga HK T3 – TSN.

+ Xây dựng nhà ga hàng hóa - CHKQT Cam Ranh: hiện quy hoạch khu HKDD CHKQT Cam Ranh chưa được điều chỉnh nên chưa có cơ sở để phê duyệt quy mô dự án.

+ Cải tạo, nâng cấp một phần sân đỗ máy bay đoạn từ đường lăn S1B đến S2 - CHKQT Nội Bài: Do vướng mắc về thủ tục bàn giao đất với Cty VAECO, VNA nên chưa ký HĐ KS, lập BCNCKT.

+ Xây dựng sân đỗ tàu bay và trạm khẩn nguy cứu hỏa, cứu nạn phía sau Nhà hàng hóa ALS (Nội Bài): Chưa khởi công do vướng thủ tục cấp phép XD

#### Các dự án đầu tư Trang thiết bị:

Kế hoạch 2018 chuyển tiếp: hầu hết các hạng mục đang được đẩy nhanh tiến độ triển khai, nhằm đáp ứng kế hoạch năm đã duyệt. Trong có 21 hạng mục đã ký hợp đồng, 11 hạng mục đang trong giai đoạn mời thầu và xét thầu, các hạng mục khác đang trong giai đoạn thực hiện các bước chuẩn bị đầu tư.



Kế hoạch năm 2019: 01 hạng mục bảo hiểm đang lập HSMT và các hạng mục mua sắm trang thiết bị khác đang trong giai đoạn lập BCĐT dự kiến hoàn thành báo cáo đầu tư trình Hội đồng thẩm định và trình Tổng giám đốc phê duyệt vào cuối Quý II/2019

2.1.2. Đối với các dự án đầu tư do các chi nhánh cảng HK tự thực hiện:

Hiện nay hầu hết các dự án chuyển tiếp đang được triển khai đúng theo tiến độ, kế hoạch năm đã duyệt. Tuy nhiên đối với các dự án đầu tư mới năm 2019, hiện các cảng đang triển khai các bước chuẩn đầu tư, song song với việc trình xin ủy quyền thực hiện 1 số dự án ngoài phân cấp.

## 2.2. Tình hình đầu tư tài chính dài hạn

Tại ngày 31/03/2019, tổng giá trị đầu tư tài chính dài hạn của ACV là 2.434 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

	Số cuối quý		Đơn vị tính: đồng	
	Giá trị ghi sổ	Tỉ lệ	Số đầu năm	Tỉ lệ
<b>a. Đầu tư vào Công ty con</b>	<b>60,000,000,000</b>		<b>60,000,000,000</b>	
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Nhiên liệu Hàng không Nội Bài (NAFSC)	60,000,000,000	60.00%	60,000,000,000	60.00%
<b>b. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>2,189,744,434,914</b>		<b>2,189,744,434,914</b>	
- Công ty Cổ phần Dịch Vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO)	1,585,201,640,000	49.07%	1,585,201,640,000	49.07%
- Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn (SAGS)	486,859,102,200	48.01%	486,859,102,200	48.01%
- Công ty TNHH Dịch vụ bảo dưỡng máy bay Cảng hàng không Miền Nam (SAAM)	15,300,000,000	51.00%	15,300,000,000	51.00%
- Công ty Cổ phần Thương mại Hàng không Miền Nam (SATCO)	7,532,433,978	29.53%	7,532,433,978	29.53%
- Công ty Cổ phần Vận tải Hàng không Miền Nam (SATSCO)	14,851,258,736	30.00%	14,851,258,736	30.00%
- Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Hà Nội (HGS)	30,000,000,000	20.00%	30,000,000,000	20.00%
- Công ty Cổ phần Dịch vụ hàng hóa Hàng không (ACSV)	50,000,000,000	20.00%	50,000,000,000	20.00%

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Tỉ lệ	Giá trị ghi sổ	Tỉ lệ
<b>c. Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>184,800,000,000</b>		<b>184,800,000,000</b>	
- Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn (SCSC)	75,000,000,000	13.12%	75,000,000,000	13.12%
- Công ty Cổ phần đầu tư khai thác Nhà ga Quốc tế Đà Nẵng (AHT)	30,000,000,000	10.00%	30,000,000,000	10.00%
- Công ty Cổ phần Đầu tư TCP	19,800,000,000	18.00%	19,800,000,000	18.00%
- Công ty Cổ phần Nhà ga Quốc tế Cam Ranh (CRTC)	60,000,000,000	10.00%	60,000,000,000	10.00%
<b>Cộng</b>	<b>2,434,544,434,914</b>		<b>2,434,544,434,914</b>	

Hầu hết tất cả các khoản đầu tư đều hoạt động có lợi nhuận, với hiệu quả kinh doanh cao. Trường hợp Công ty SATCO gặp khó khăn do lĩnh vực kinh doanh có nhiều cạnh tranh, thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp. ACV đã có những đánh giá sát sao và chỉ đạo Người đại diện vốn ACV tại các doanh nghiệp trong công tác bảo toàn vốn và phát triển kinh doanh theo hướng có lợi.

### 3. Việc quản lý nợ phải thu, nợ phải trả, nguyên nhân và giải pháp xử lý các khoản nợ phải thu khó đòi, nợ phải trả quá hạn

#### 3.1. Tình hình công nợ phải thu (ngắn hạn và dài hạn)

Tổng công ty thực hiện công tác quản lý công nợ phải thu, trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo đúng các quy định hiện hành. Các khoản công nợ phải thu được quản lý chặt chẽ, thanh toán đúng thời hạn, thường xuyên đốc thúc, thu hồi nợ kịp thời. Số trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại thời điểm 31/03/2019 là 29,91 tỷ đồng là các khoản công nợ phải thu phát sinh trước đây, trong đó, chủ yếu là trích lập dự phòng đối với khoản phải thu của Công ty Cổ phần hàng không Mê Kông - Air Mekong (25,91 tỷ đồng) – đơn vị đã bị thu hồi Giấy phép hoạt động bay.

#### 3.2. Tình hình công nợ phải trả

Nợ phải trả tại thời điểm 31/03/2019 là 22.930 tỷ đồng. Trong đó:

- Nợ ngắn hạn: 7.920 tỷ đồng (chiếm 35% tổng nợ phải trả)
- Nợ dài hạn: 15.010 tỷ đồng (chiếm 65% tổng nợ phải trả), chủ yếu là khoản vay ODA bằng đồng Yên Nhật để xây dựng Nhà ga hành khách T2 Tân Sơn Nhất và Nhà ga hành khách T2 Nội Bài.

Các khoản nợ phải trả của Tổng công ty được quản lý chặt chẽ, đảm bảo cân đối đủ, kịp thời nguồn tiền để trả nợ theo đúng quy định của hợp đồng.

#### 4. Tình hình quản lý sử dụng và bảo toàn vốn góp của nhà nước

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm kết thúc quý I/2019 là 32.179.587 triệu đồng (trong đó, vốn điều lệ là 21.771.732 triệu đồng) tăng 6,4% so với đầu quý; hệ số bảo toàn vốn 1,1. Tổng tài sản tại thời điểm kết thúc quý I/2019 đạt 55.109.745 triệu đồng; tỷ suất sinh lời trên vốn chủ trung bình hàng năm khoảng 20% (LNST/VCSH).

Theo quy định về bảo toàn phát triển vốn nhà nước, ACV đảm bảo các chỉ tiêu bảo toàn và phát triển vốn nhà nước theo quy định.

#### 5. Tình hình thực hiện các khoản thu như: Thu từ bán cổ phần khi cổ phần hóa, thu từ bán tiếp cổ phần nhà nước, thu từ cổ tức, lợi nhuận được chia....

Tổng công ty đã hoàn tất việc bán cổ phần lần đầu ra công chúng, chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 01/4/2016. Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán cổ phần đã được thu và nộp đầy đủ theo đúng quy định.

Sau thời điểm 01/4/2016 đến nay, Tổng công ty chưa thực hiện bán tiếp cổ phần nhà nước tại Tổng công ty. Liên quan đến việc thoái vốn nhà tại Tổng công ty, Tổng Công ty đã có văn bản báo cáo Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp tại văn bản số 104/BC-NĐDDV-m ngày 16/4/2019.

#### 6. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối quý
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>	<b>70.673.936.832</b>	<b>783.662.889.963</b>	<b>372.866.087.437</b>	<b>481.470.739.358</b>
Thuế GTGT	46.547.172.233	101.396.805.281	106.324.325.070	41.619.652.444
Thuế TTĐB	-	-	-	-
Thuế môn bài	-	26.000.000	26.000.000	-
Thuế XNK	-	114.151.828	114.151.828	-
Thuế TNDN	-	501.105.883.695	101.452.480.611	399.653.403.084
Thuế TNCN	23.491.755.164	156.847.061.451	140.864.884.051	39.473.932.564
Thuế tài nguyên	167.138.545	517.310.745	516.745.098	167.704.192
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	15.776.654.841	15.749.179.716	27.475.125
Thuế nhà thầu	373.154.929	7.879.022.122	7.818.321.063	433.855.988
Các khoản phải nộp khác	94.715.961	-	-	94.715.961

**7. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, tình hình thực hiện nhiệm vụ được Chủ sở hữu phần vốn nhà nước giao**

Trong quá trình hoạt động, Tổng công ty luôn đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Pháp luật hiện hành, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, đồng thời thực hiện các quyền và nhiệm vụ được Cơ quan đại diện chủ sở hữu giao một cách cẩn trọng, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty, Nhà nước và cổ đông.

**IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Hoạt động kinh doanh quý 1/2019 của ACV tiếp tục đạt kết quả tăng trưởng tốt với vốn nhà nước tại ACV được bảo toàn và phát triển. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của ACV còn tồn tại một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến cơ chế quản lý, khai thác tài sản khu bay, các thủ tục pháp lý liên quan đến đất đai, quyết toán vốn nhà nước sau cổ phần hóa và giá nhượng quyền khai thác dịch vụ hàng không chưa được phê duyệt...ACV rất mong nhận được sự quan tâm, hỗ trợ từ các Bộ ngành liên quan để ACV sớm tháo gỡ được các khó khăn, vướng mắc, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng được nhu cầu tăng trưởng của thị trường.

Trân trọng./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban Kiểm soát;
- TCKT; KH; XDCB;
- Lưu: VT; BTK.

**TM. NHÓM NGƯỜI ĐẠI DIỆN VỐN  
CHỦ TỊCH HĐQT**



  
**Lai Xuân Thanh**